ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 460 /BC-UBND	*Tuy Phước, ngày 03 tháng 10 năm 2024*

BÁO CÁO

V/v đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

UBND huyện Tuy Phước nhận được Công văn số 3393/STC-TCHCSN ngày 30/9/2024 của Sở Tài chính tỉnh về việc báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

UBND huyện báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

I. Về công tác quản lý nhà nước

1. Về công tác tổ chức phổ biến, tập huấn, tuyên truyền triển khai thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC:

- Đã tổ chức ☑
- Chưa tổ chức ☐

UBND huyện thực hiện phổ biến Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính đến các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc huyện thông qua phần mềm Văn phòng điện tử (iDesk).

2. Về ban hành các văn bản theo thẩm quyền được giao

2.1. Về việc ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương để thống nhất quản lý (*quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4*)

- Đã ban hành ☐
- Chưa ban hành ☐
- Không ban hành ☑

Do UBND huyện Tuy Phước không có tài sản cố định đặc thù.

2.2. Về việc ban hành danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập)

thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (*quy định tại khoản 2 Điều 13)*

- Đã ban hành ☐
- Chưa ban hành ☑

UBND huyện áp dụng theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

2.3. Về quy định cụ thể thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình (*quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13*)

- Đã ban hành ☐
- Chưa ban hành ☐
- Không ban hành ☑

UBND huyện áp dụng theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

II. Về đánh giá nội dung quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

(*Chi tiết theo mẫu số 1 đính kèm theo*)

III. Những khó khăn, vướng mắc: Không.

IV. Đề xuất, kiến nghị: Không.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp của huyện Tuy Phước. Kính báo cáo Sở Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Sở Tài chính tỉnh;
- Phòng TC-KH huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC T. BÌNH ĐỊNH

Huỳnh Nam

Mẫu số 01

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 23/2023/TT-BTC NGÀY 25/4/2023 CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 03/10/2024 của UBND huyện Tuy Phước)

STT	**Nội dung quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp** (*theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC*)	**Phù hợp** (*giữ như quy định hiện hành*)	**Đề nghị sửa đổi, bổ sung**		**Ghi chú**
			Nội dung sửa đổi, bổ sung	**Lý do**	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1	**Đối tượng áp dụng** *(quy định tại Điều 2)*	X			
2	**Tiêu chuẩn tài sản cố định** (*quy định tại Điều 3*)				
a)	Xác định là một tài sản (*quy định tại khoản 1 Điều 3*)	X			
b)	Tiêu chuẩn xác định là tài sản cố định (*quy định tại khoản 2 Điều 3*)	X			
c)	Tiêu chuẩn xác định là tài sản cố định tại đơn vị sự nghiệp công lập (*quy định tại khoản 3 Điều 3*)	X			
3	**Phân loại tài sản cố định** (*quy định tại Điều 4*)				
a)	Phân loại tài sản cố định theo tính chất, đặc điểm tài sản (*quy định tại khoản 1 Điều 4*)	X			
b)	Phân loại theo nguồn gốc hình thành tài sản (*quy định tại khoản 2 Điều 4*)	X			
4	**Nguyên tắc quản lý tài sản cố định** (*quy định tại Điều 5*)	X			
5	**Xác định nguyên giá, thay đổi nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản cố định**				
a)	Xác định nguyên giá tài sản cố định				

*	Xác định nguyên giá tài sản cố định hữu hình (*quy định tại Điều 6*)	X			
*	Xác định nguyên giá tài sản cố định vô hình (*quy định tại Điều 7*)	X			
*	Xác định nguyên giá tài sản cố định đặc thù (*quy định tại Điều 8*)	X			
b)	Thay đổi nguyên giá tài sản cố định, xác định nguyên giá tài sản cố định trong trường hợp thay đổi nguyên giá tài sản cố định (*quy định tại Điều 9, Điều 10*)	X			
c)	Xác định giá trị còn lại của tài sản cố định (*quy định tại Điều 16*)	X			
6	**Phạm vi tài sản cố định hao mòn, khấu hao và nguyên tắc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản cố định**				
a)	Phạm vi tài sản cố định hao mòn, khấu hao (*quy định tại Điều 11*)	X			
b)	Nguyên tắc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản cố định (*quy định tại Điều 12*)	X			
7	**Thời gian tính, tỷ lệ và phương pháp tính hao mòn tài sản cố định**				
a)	Thời gian tính hao mòn và tỷ lệ tài sản cố định hao mòn (*quy định tại Điều 13*)	X			
b)	Phương pháp tính hao mòn tài sản cố định (*quy định tại Điều 14*)	X			
8	**Quy định về trích khấu hao tài sản cố định tại đơn vị sự nghiệp công lập** (quy *định tại Điều 15*)	X			
9	**Quy định về xử lý chuyển tiếp trường hợp có nội dung thay đổi nêu trên (về nguyên giá, giá trị, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn…)**	X			